|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BÌNH PHƯỚC**  **ĐỀ DỰ BỊ** |  | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **CẤP TỈNH THCS NĂM HỌC 2023** - **2024** |
| *(Đề thi có 02 trang)* |  | Môn: **Địa lí**  Thời gian: 150 phút *(không kể thời gian giao đề)*  Ngày thi: 09/3/2024 |

**Câu 1.** (2,0 điểm)

**a.** Hãy kể tên những hệ quả địa lí được sinh ra từ chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

**b.** Cho bốn địa điểm và vĩ độ địa lí sau: Cà Mau (8034’B), Khánh Hòa (12040’B), Điện Biên (22022’B), Hà Giang (23023’B). Hãy cho biết:

- Địa điểm nào có hiện tượng chênh lệch ngày, đêm dài nhất?

- Địa điểm nào có hiện tượng chênh lệch ngày, đêm ngắn nhất?

- Giải thích nguyên nhân.

**Câu 2.** (3,0 điểm)

**a.** Trình bày đặc điểm hình dạng lãnh thổ phần đất liền của nước ta.

**b.** Trình bày và giải thích đặc điểm mùa lũ của sông ngòi Trung Bộ ở nước ta.

**Câu 3.** (2,0 điểm)

**a.** Giải thích vì sao vùng Đồng bằng sông Hồng có số dân đông nhất nước ta?

**b.** Cho bảng số liệu sau:

**Tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô của nước ta qua các năm**

*Đơn vị: ‰*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2021** | **2022** |
| Tỉ suất sinh thô | 17,1 | 17,0 | 15,7 | 15,2 |
| Tỉ suất tử thô | 6,8 | 7,1 | 6,4 | 6,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê, NXB Thống kê, năm 2022)*

Dựa vào bảng số liệu trên hãy tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta qua các năm.

**Câu 4.** (2,0 điểm)

Trình bày đặc điểm phát triển và phân bố của ngành dịch vụ ở nước ta.

**Câu 5.** (3,0 điểm)

**a.** Phân tích những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Tây Nguyên.

**b.** Vì sao hiện nay nước ta cần phải khai thác tổng hợp kinh tế biển?

**Câu 6.** (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

**Số dân nước ta phân theo thành thị và nông thôn giai đoạn 2010 - 2022**

*Đơn vị: nghìn người*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Khu vực** | **2010** | **2016** | **2020** | **2022** |
| Số dân thành thị | 26 460,5 | 31 397,0 | 35 867,2 | 37 352,1 |
| Số dân nông thôn | 60 606,8 | 61 853,7 | 61 715,5 | 62 109,6 |
| **Tổng số** | **87 067,3** | **93 250,7** | **97 582,7** | 1. **461,7** |

Cho biết: Diện tích nước ta: 331 345,7 km2

*(Nguồn: Niên giám thống kê, NXB Thống kê, năm 2022)*

**a.** Tính mật độ dân số nước ta giai đoạn 2010 - 2022.

**b.** Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2010 - 2022.

**c.** Dựa vào biểu đồ đã vẽ hãy nhận xét và giải thích tình hình phân bố dân cư của nước ta.

**Câu 7.** (3,0 điểm)

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy:

**a.** Kể tên những trung tâm công nghiệp có giá trị sản xuất từ trên 40 - 120 nghìn tỉ đồng và trên 120 nghìn tỉ đồng của nước ta.

**b.** Cho các trung tâm kinh tế sau: Cần Thơ, Đà Nẵng, Hạ Long, hãy cho biết:

- Trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng cao nhất trong cơ cấu GDP?

- Trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP nhỏ nhất?

**c.** Giải thích vì sao ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

**Câu 8.** (1,0 điểm)

Vì sao Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất và nặng nề nhất trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay?

**----------HẾT----------**

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành. Không được sử dụng các tài liệu khác.

- Giám thị không giải thích gì thêm.